

Số: 15/2021/QĐST-HNGĐ

B, ngày 04 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 25/2021/TLST/HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 giữa:

* Nguyên đơn: Anh **Nông Văn T**, sinh năm 1993.

Trú tại: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

* Bị đơn: Chị **Mã Thị B**, sinh năm 1990.

Trú tại: Thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện, không trái điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nông Văn T và chị Mã Thị B.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, Cụ thể như sau:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nông Văn T và chị Mã Thị B thuận tình ly hôn.

* *Về con chung:* Anh Nông Văn T và chị Mã Thị B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về tài sản chung, vay nợ chung:* Anh Nông Văn T và chị Mã Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về án phí:* Anh Nông Văn T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000^d (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 03801 ngày 18/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B. Anh T được hoàn trả lại số tiền 150.000^d (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Xác nhận anh Nông Văn T đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh + Biên bản ghi nhận (1b);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B (2b);
- Chi cục THADS huyện B (1b);
- UBND xã B, huyện B (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Anh Tuấn